ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp Mua sắm hàng hóa hóa chất dụng cụ phục vụ giảng dạy theo danh mục đính kèm.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
- Nhận qua email: Cao Thị Kiều Oanh, ctkoanh@hcmus.edu.vn.

2. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 12h00 ngày 18 tháng 10 năm 2024 đến trước 09h00 ngày 21 tháng 10 năm 2024.
3. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
2. Địa điểm cung cấp: Tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. HCM và khu phố 6, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 20 ngày.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.
- Phương thức thanh toán: *thanh toán chuyển khoản qua ủy nhiệm chi của Kho bạc Quận 5 TP.HCM*

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của mặt hàng báo giá và tài liệu liên quan (nếu có).

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.

- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu…

Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
1	Beaker thủy tinh 1 lít	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Dung tích: 1.000ml Chiều cao: 145mm	1101-1.000/ ONELAB			Zhejiang	Cái	1
2	Bình định mức 100 ml	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, Class-A, nút nhựa PP Dung tích: 100ml Dung sai: ±0,1ml Tiêu chuẩn DIN ISO 1042	BLS.1200.23 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	4
3	Bình định mức 50 ml	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, Class-A, nút nhựa PP Dung tích: 50ml Dung sai: ±0,06ml Tiêu chuẩn DIN ISO 1042	BLS.1200.22 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	4
4	Bình xịt tia 500 ml	Dạng vật lý: Polypropylene Đường kính: 75 mm Chiều cao: 163 mm	WGW536P ML/ Azlon			DWK	Cái	5

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
5	Bộ lau nhà 360 độ	Bộ sản phẩm bao gồm: 1 thùng vắt,2 đoạn cán lau, 1 bông lau. Thùng chứa làm bằng nhựa cao cấp, cho độ bền cao và hạn chế hỏng hóc khi va đập mạnh.. Sức chứa nước: 22 Lít	Omegamop-365/ Omega Mop plus			Omega Mop plus	Cái	1
6	Bóp cao su	Vật liệu: Cao su Dung tích hút: 90ml	US-C43990-0090/ ONELAB			Hữu Đạt	Cái	9
7	cán dao số 7	Chất liệu: Inox không gỉ. Chiều dài: 16 cm.	Cán dao số 7/ ONELAB			Hữu Đạt	Cái	10
8	Chai nhựa pp miệng rộng nhựa dày loại 2L	Vật liệu: Nhựa PP Dung tích: 2000ml Màu: không màu	US/R-C16139-12L/ ONELAB			Zhejiang	Cái	8
9	Chai trung tính trắng 100 ML-GL45 (Dia 56 X height 1000mm)	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vặn nhựa PE Đường kính: 56mm Chiều cao: 100mm	BLS.1105.03 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	20
10	Chổi bông cỏ quét nhà	Chổi bông cỏ có bọc nhựa, đầu lót dây nilon màu. Kích thước: dài 63cm x rộng 25cm.	Chổi 63/ Sai Gon Coop			Sai Gon Coop	Cây	1

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
11	Cốc đốt 1 lít	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, kháng hóa chất Đường kính thân: 105mm Chiều cao: 157mm	BLS.1000.12 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	2
12	Cốc đốt 100 ml	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, kháng hóa chất Đường kính: 50mm Cao: 70mm	BLS.1000.05 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	20
13	Cốc đốt 250 ml	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, kháng hóa chất Đường kính: 70mm Chiều cao: 95mm	BLS.1000.07 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	20
14	Cốc đốt 50 ml	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, kháng hóa chất Đường kính: 42mm Chiều cao: 58mm	BLS.1000.04 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	20
15	Cốc đốt 500 ml	Vật liệu: Thủy tinh boro 3,3, kháng hóa chất Đường kính thân: 83mm Chiều cao: 118mm	BLS.1000.09 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	2
16	Cối chày sứ nghiền mẫu (80mm)	Vật liệu: Sứ Đường kính cối: 80mm	C33595-0080/ ONELAB			Zhejiang	Cái	20

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
17	Dao lam Gillette	Lưỡi dao bằng thép không rỉ Rửa dao bằng nước sau khi sử dụng, không chùi lưỡi dao.	Gillette-5/ Gillette			Procter & Gamble	Hộp	1
18	Đầu tip vàng không khía	Đầu típ màu vàng, không khía loại Tip Gilson từ 0 đến 200 µl	28063/ Flmedical			Flmedical	Gói/ 1000c	2
19	Đầu tip xanh	Đầu típ màu xanh loại Tip Eppendorf-Gilson-Brand-Socorex từ 100 đến 1000 µl	28053/ Flmedical			Flmedical	Gói/ 500c	2
20	Đĩa 96 sterile, treated, code 30096	Kích thước: 6.92 x 10.80mm Không Dnase, Rnase Đáy phẳng	30096/ SPL			SPL	Thùng/ 50c	2
21	Đũa thuỷ tinh F6*300mm	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Kích thước: Đường kính 6mm x dài 300mm	1294-6-300/ ONELAB			Zhejiang	Cái	30
22	Eppendorf 2mL	Ống ly tâm 2 ml đáy tròn Vật liệu: nhựa PP có nắp bằng	23073/ Flmedical			Flmedical	Gói/ 500c	1
23	Eppepdorf PCR 0,2 mL	Dạng vật lý: Polypropylene Không DNase, Rnase Có thể hấp tiệt trùng	MB-P02-A/ Gunster			Gunster Biotech	Gói/ 500c	1

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
24	Erlen 100 ml thủy tinh miệng rộng	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3 Dung tích: 100ml Đường kính cổ: 34mm	1120-100/ ONELAB			Zhejiang	Cái	200
25	Falcon 50 ml vô trùng	Vật liệu: nhựa PP Kiểu: đáy nhọn, có nắp vặn Kích thước: 30x115mm	21400/ Flmedical			Flmedical	Cái	100
26	Giá đỡ bình lóng (Bộ chân giá nhỏ + vòng phễu F80mm + Khóa đôi)	Vật liệu: Đế thép sơn tĩnh điện, trụ thép không gỉ Kích thước đế: 140x200mm Kích thước trụ: 600x10mm Vật liệu: Thép mạ Khoản mở: 16mm	AA330-140&H0300-80&CB202-16/ ONELAB			Zhejiang	Bộ	2
27	Giá đỡ pipet thủy tinh nằm ngang	Vật liệu: Nhựa PP Kích thước: 12 vị trí 200mm	TT650-10/ ONELAB			Zhejiang	Cái	5
28	Giấy lọc kích thước 60x60	Vật liệu: Cellulose Màu: Trắng Loại: Định tính, chảy trung Kích thước: 600 x 600 mm	1006-600/ ONELAB			Zhejiang	Tờ	20

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
29	Bao rác	Size sản phẩm: đại, 780 x 900mm Sản phẩm có màu đen, thân thiện với môi trường Sản phẩm gồm 3 cuộn, tổng trọng lượng 1kg	Đại Đại/ Đại Hoàng Nguyên			Đại Hoàng Nguyên	Lốc/3 cuộn	1
30	Giấy puppy hồng	Vật liệu:Bột giấy nguyên chất Số lượng 80 tờ Số lớp 2 lớp Khổ giấy 33cm x 33cm Phù hợp với Da nhạy cảm	Pulppys 33cm vuông/ Pulppys			Pulppys	Gói	5
31	Giấy vệ sinh (An An)	Dạng cuộn, giấy vệ sinh 2 lớp	Giấy cuộn/ An An			An An	Cuộn	50
32	Kẹp dài 26 cm (nhip)	Vật liệu: Thép không gỉ Kiểu: Thẳng Kích thước: dài 260mm	Nhíp thẳng 26/ ONELAB			Hữu Đạt	Cái	10
33	Kẹp nhỏ 160mm (Nhíp thẳng 16cm)	Vật liệu: Thép không gỉ Kiểu: Thẳng Kích thước: dài 160mm	Nhíp thẳng 16/ ONELAB			Hữu Đạt	Cái	5
34	Lam kính (không bị mốc)	Vật liệu: Thủy tinh soda Kích thước: 76x26mm	1000000/ Marienfeld			Marienfeld	Hộp/ 50c	2
35	Lame (Lam kính trơn)	Kích thước: 25 x 76mm Dày: 0,8-1mm	C33050-030P72/ ONELAB			Zhejiang	Hộp/ 72c	2

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
36	Lamelle 22*22mm (Không bị mốc)	Vật liệu: Thủy tinh Kích thước: 22x22mm	0101050/ Marienfeld			Marienfeld	Hộp/ 100c	6
37	Lamelle 22x22mm	Kích thước: 22 x 22mm Dày: 0,13-0,16mm	0340-1120/ ONELAB			Zhejiang	Hộp/ 100c	2
38	Màng lọc chân không cellulose acetate 0.45 um, đường kính 47mm	Vật liệu: Cellulose acetate (CA) Đường kính: 47mm Kích thước lỗ lọc: 0,45µm	11106--47----ACN/ Sartorius			Sartorius	Hộp/ 100t	2
39	Micropipet hấp tiệt trùng 1 kênh 100 - 1000ul	Độ chính xác ± %: 0.70 Hiển thị vạch chia <%: 0.25 Có thể hấp tiệt trùng	LHP2-V100/ Phoenix Instrument			Dlab	Cái	1
40	Micropipette 20-200 µL (có thể hấp tiệt trùng)	Độ chính xác ± %: 0.80 Hiển thị vạch chia <%: 0.30 Có thể hấp tiệt trùng	LHP2-V20/ Phoenix Instrument			Dlab	Cái	1
41	Ống falcon 15 ml	Vật liệu: nhựa PP Kiểu: đáy nhọn, có nắp vặn Kích thước: 17x120mm	21409/ Flmedical			Flmedical	Gói/ 50c	1
42	Ống nghiệm f18	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Dung tích: 18mm Chiều dài: 150mm	1231-18-150/ ONELAB			Zhejiang	Cái	214

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
43	Petri thủy tinh 120/20mm	Vật liệu: thủy tinh soda Đường kính/chiều cao: 120/20mm	632 492 004 120/ Dinlab Germany			Technosklo	Cái	2
44	Petri Thủy Tinh, 90/15mm	Vật liệu: thủy tinh soda Đường kính/chiều cao: 90/15mm	632 492 003 090/ Dinlab Germany			Technosklo	Cái	288
45	Phễu thuỷ tinh đường kính đk 75mm	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Đường kính: 75mm Đường kính cuốn phễu: 9mm Dài: 150mm	1503-75/ ONELAB			Zhejiang	Cái	20
46	Phiến kính / Lamel 24 x 24-mm	Vật liệu: Thủy tinh Kích thước: 24x24mm	0101060/ Marienfeld			Marienfeld	Hộp/ 100c	10
47	Pipet bầu 1ml	Sản xuất từ thủy tinh Boro 3.3, Class AS, kháng hóa chất Dung tích: 1ml Sai số: ± 0,008ml	BLS.VP.170/ Biohall-germany			BIOHALL	Cái	1
48	Pipet bầu 2ml	Sản xuất từ thủy tinh Boro 3.3, Class AS, kháng hóa chất Dung tích: 2ml Sai số: ± 0,01ml	BLS.VP.171/ Biohall-germany			BIOHALL	Cái	1

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
49	Pipet vạch 1ml	Dung tích: 1ml Class AS, kháng hóa chất Sai số: ± 0,007ml Sản xuất từ thủy tinh Boro 3.3	BLS.1700.04 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	1
50	Pipet vạch 2ml	Dung tích: 2ml Class AS, kháng hóa chất Sai số: ± 0,01ml Sản xuất từ thủy tinh Boro 3.3	BLS.1700.05 / Biohall-germany			BIOHALL	Cái	1
51	Serological pipette 10 mL,code 9110	Vật liệu: Nhựa PS Dung tích: 10ml Không Dnase, Rnase	9110/ SPL			SPL	Hộp/ 100c	2
52	Serological pipette 5 mL, code 91005	Vật liệu: Nhựa PS Dung tích: 5ml Không Dnase, Rnase	91005/ SPL			SPL	Hộp/ 100c	2
53	Tip vàng 200 µL không khía	Đầu típ màu vàng, không khía loại Tip Gilson từ 0 đến 200 µl	28063/ Flmedical			Flmedical	Gói/ 1000c	1
54	Vial thuỷ tinh trắng ~20 ml	Vật liệu: Thủy tinh Dung tích: 20ml Đường kính: 27,5x57mm Đáy bằng	C0000057/ ALWSCI			ALWSCI Technologies	Cái	22

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
55	2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl (DPPH), code D4313	Dạng vật lý: Bột đen thành tinh thể Độ tinh khiết: ≥97,0% Độ nóng chảy: 139 °C	D4313/ TCI			TCI	Chai/ 1g	1
56	Acid acetic	Phần trăm độ tinh khiết (CH3COOH): 36,0% - 37,0% Dư lượng hóa hơi: ≤0,001% Clorua (Cl): ≤0,0001%	114035028/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500ml	2
57	Arcylamide/Bis arcylamide (A0010 Acryl/Bis solution (29: 1) Premix powder)	Dạng vật lý: Trong suốt không màu Nồng độ acrylamide: 29,0% Nồng độ bisacrylamide: 1,0%	A0010/ Biobasic			Biobasic	Chai/ 500ml	1
58	CaCl2	Dạng vật lý: Chất rắn màu trắng, không mùi Giá trị pH: 8-10 (100 g / l H2O, 20°C) Tỉ trọng tương đối: 2,15 g / cm3 (20°C)	103377010/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	1
59	Chloroform	Phần trăm độ tinh khiết: 99% Dạng vật lý: Lỏng Dùng trong phòng thí nghiệm	CHCL3/ Chemsol			VINA CHEM	Chai/ 500ml	3

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
60	Cồn 96	Phần trăm độ tinh khiết: 96% Dạng vật lý: Chất lỏng Quy cách đóng gói: can 30 lít	C2H5OH-96/ Chemsol			VINA CHEM	Lít	60
61	Cồn CN 70	Phần trăm độ tinh khiết: 70% Dạng vật lý: lỏng Quy cách đóng gói: chai 1 lít	Ethanol-70/ Chemsol			VINA CHEM	Lít	60
62	Dichloromethane	Phần trăm độ tinh khiết: 99.9% Dạng vật lý: Chất lỏng không màu Quy cách đóng gói: chai 500ml	CH2Cl2/ Chemsol			VINA CHEM	Chai/ 500ml	1
63	Dimethyl Sulfoxyde (DMSO)	Dạng vật lý: Chất lỏng không màu, không mùi. Mật độ tương đối: 1,10 Mật độ hơi tương đối: 2,7	123041010/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	1
64	Ethanol tuyệt đối	Phần trăm độ tinh khiết: 99.5% Dạng vật lý: lỏng	Ethanol-99.5-1L/ Chemsol			VINA CHEM	Chai/ 1Lít	21

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
65	Glucose	Phần trăm độ tinh khiết: 52,50-53,00 Dạng vật lý: Bột kết tinh màu trắng không màu, không mùi	118327010/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	2
66	Glycine	Dạng vật lý: Tinh thể màu trắng hoặc bột tinh thể Độ tinh khiết: ≥99% pH: 5,5-7,0	GB0235/ Biobasic			Biobasic	Chai/ 500g	1
67	GoScript™ Reverse Transcriptase	MgCl2: 1 × 1,2ml Bộ đệm phản ứng GoScript™ 5X: 1 × 600µl	A5001/ Promega			Promega	Kit/100 react	1
68	GoTaq® Master Mixes (Green)	GoTaq® Green Master Mix, 2X: 2 × 1.250µl Nước không có Nuclease: 2 × 1.250µl	M7122/ Promega			Promega	Kit/ 1000r	1
69	H3PO4	Dạng vật chất: Chất kết tinh không màu, không mùi, có vị chua, Mật độ tương đối: 1,87 (tinh khiết) Mật độ hơi tương đối: 3,38	114004048/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500ml	2

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
70	HNO3	Hình thức và đặc tính: Sản phẩm nguyên chất là chất lỏng bốc khói trong suốt không màu, vị chua. Mật độ tương đối: 1,50 (khan) Mật độ hơi tương đối: 2,17	1.14003.028/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500ml	2
71	K Na tartrate 4H2O	Phần trăm độ tinh khiết: ≥99,0% Dạng vật lý: Chất rắn không màu đến trắng không vị pH(50g/L solution, 25℃): 6,5 - 8,5	101560010/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	1
72	KCl	Phần trăm độ tinh khiết(KCl) ≥99,5% pH(50g/L solution),25℃: 5,0-8,0	101704030/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	1
73	KH2PO4	Phần trăm độ tinh khiết ≥98,0% pH: 9,0-9,3 Chloride(Cl): ≤0,004% Sulfate(SO4): ≤0,03% Nitrate(NO3): ≤0,002%	101938010/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	2

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
74	Methanol	Dạng vật lý: Chất lỏng không màu Độ nóng chảy: -97,6°C Nhiệt độ sôi: 64,7°C	67-56-1/ Xilong			Xilong Scientific	Chai/ 500ml	8
75	MyTaq DNA Polymerase, BIO-21105	MyTaq DNA Polymerase: 1 x 100 µL 5x MyTaq Reaction Buffer: 4 x 1 mL	BIO-21105/ Bioline			Meridian bioscience	Ống/ 500 units	2
76	Na2HPO4.12H2O	Phần trăm độ tinh khiết: ≥99,0% Giá trị pH Giá trị pH (50g /L, 25 °C): 9,1 - 9,4 Chất không hòa tan trong nước: ≤0,005%	101504040/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	2
77	NaCl	Phần trăm độ tinh khiết (NaCl) ≥99,5% Giá trị pH (dung dịch 50g / L, 25 °C): 5,0 - 8,0	101307040/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	1
78	NaH2PO4.2H2O	Phần trăm độ tinh khiết(NaH2PO4.2H2O): ≥99,0% pH (50g/L solution,25°C): 4,2-4,6	101503020/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	2

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
79	NaHCO3	Phần trăm độ tinh khiết(NaHCO3): ≥99,5% Chất không tan trong nước: ≤0,01% Chloride(Cl): ≤0,002%	101398020/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	1
80	NaOH	Phần trăm độ tinh khiết (NaOH): ≥96,0% Carbonate(as Na2CO3): ≤1,5% Chloride(Cl): ≤0,005%	101394058/ GHTECH			Guangdong Guanghua Sci-Tech	Chai/ 500g	2
81	Nước cất 2 lần	Độ dẫn < 2µS/Cm Màu: trong suốt Quy cách đóng gói: chai 1 lít	Nước cất < 2µS/Cm/ Chemsol			VINA CHEM	Lít	91
82	Ống chuẩn acid oxalic 0,1 N	Pha vừa đủ 1 lít Ống nhựa với hộp giấy đựng bên ngoài.	acid oxalic 0,1 N/ Cemaco			Cemaco	Ống	2
83	Safe Dye	Là thuốc nhuộm mới, an toàn, thay thế cho nhuộm ethidium bromide (EtBr) truyền thống	P-SDye-500/ Phù Sa			Phù Sa	Lọ	1
84	Thang protein, Pageruler unstained protein ladder, code 26614	Loại sản phẩm: Thang Protein Phạm vi kích thước: 10 đến 200 kDa	26614/ Thermo			Thermo Fisher Scientific	2 x 250 µL	2

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu/Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng
85	Thiazoyl blue tetrazolium bromide (MTT), code T0793, 1g	Dạng vật lý: Bột tinh thể màu vàng Độ tinh khiết: 98,0% Độ hòa tan: 5mg/ml, H2O	T0793/ Biobasic			Biobasic	Ống/1g	1
86	Tris-base	Dạng vật lý: Tinh thể màu trắng Độ tinh khiết: ≥99,0% pH: 10,0-11,5%	TB0196/ Biobasic			Biobasic	Chai/ 500g	1

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện gói thầu	Ghi chú
1.													
2.													